TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ THIỆN** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HS-ST
Ngày 07 - 3 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ THIỆN, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Dương Đình Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ksor H'Mloan và ông Rmah Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Diệu Linh, thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Hùng, Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 3 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 40/2024/TLST-HS ngày 24 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-HS ngày 07/02/2025 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn D, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1952, tại huyện Y, tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú: Thôn T, xã I, huyện P, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hoá: 4/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn C và bà Trịnh Thị N (Đều đã chết); Vợ: Phạm Thị T; Bị cáo có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 1992; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. Trần Văn T1, sinh ngày 16 tháng 6 năm 1981, tại huyện Y, tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú: Thôn T, xã I, huyện P, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hoá: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn D và bà Phạm Thị T; Vợ: Nguyễn Thị C1; Bị cáo có 02 người con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại, có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo:* Ông Bùi Việt H, là Luật sư thuộc Công ty L

Địa chỉ: Số B ngõ A N, quận Đ, thành phố Hà Nội. Có mặt

- *Bị hại:*

1. Phạm Ngọc T2, sinh năm 1979

Trú tại: Thôn T, xã I, huyện P, tỉnh Gia Lai. Có mặt

2. Phạm Thị M, sinh năm 1979

Trú tại: Thôn T, xã I, huyện P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Phạm Thị T, sinh năm 1957
Trú tại: Thôn T, xã I, huyện P, tỉnh Gia Lai. Có mặt

2. Nguyễn Thị C1, sinh năm 1990
Trú tại: Thôn T, xã I, huyện P, tỉnh Gia Lai. Có mặt

3. Trần Thị N1, sinh năm 1983
Trú tại: Thôn T, xã I, huyện P, tỉnh Gia Lai. Có mặt

4. Trần Văn T3, sinh năm 1987, Mai Thị V, sinh năm 1996
Trú tại: Thôn T, xã I, huyện P, tỉnh Gia Lai. Có mặt

5. Trần Thị T4, sinh năm 1992
Trú tại: Tổ G, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

6. Nguyễn Văn T5, Vũ Thị O, sinh năm 1957
Trú tại: Thôn T, xã I, huyện P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn D, Trần Văn T1 và anh Trần Văn T3 có mối quan hệ cha con và anh em ruột. Năm 2016, anh T3 được vợ chồng D tặng cho 3.000m^2 đất ruộng tại cánh đồng thôn T, xã I, huyện P. Sau đó anh T3 nhận chuyển nhượng thêm của Dục 1.000m^2, nhận chuyển nhượng của Trần Thị T4 là em gái ruột 3.000m^2 và san ủi bờ ruộng mở rộng diện tích được 1.500m^2 (việc tặng cho, chuyển nhượng chưa được thực hiện theo quy định). Ngày 28/4/2024, anh T3 đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất trên là 8.500m^2 cho anh Phạm Ngọc T2 với số tiền 935.000.000 đồng, anh T2 đã thanh toán cho anh T3 835.000.000 đồng còn lại 100.000.000 đồng hẹn đến khi chứng thực hợp đồng chuyển nhượng xong thì trả đủ. Sau đó, đến ngày 05/7/2024 anh T2 gieo sạ lúa lên diện tích đất này.

Quá trình sinh sống, giữa gia đình D và anh T3 phát sinh mâu thuẫn, D cho rằng mình không cho T3 diện tích đất trên và việc T2 trồng lúa là không đúng. Ngày 25/7/2024, D đã sử dụng bình bơm và thuốc cỏ phun vào lúa của anh T2, sau đó đưa cho T1 phun tiếp và nói T1 dùng máy xới vằm bỏ lúa trên diện tích đất 8.500m^2 do anh T2 gieo sạ được 20 ngày. Sau khi phát hiện, anh T2 đã trình báo cơ quan Công an.

Kết quả điều tra xác định: Diện tích lúa bị phun thuốc trừ cỏ và cày xới là 8.500m^2 tại khu vực khu vực cánh đồng thôn T, xã I, huyện P, tỉnh Gia Lai. Có các hướng, phía Đông tiếp giáp với ruộng lúa của bà Mã Thị H1 và anh Tống Văn T6, phía Tây tiếp giáp ruộng lúa của anh Phạm Văn S, phía Bắc tiếp giáp ruộng lúa của anh Vũ Văn T7 và phía Nam tiếp giáp ruộng lúa của Trần Văn D.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 29/KL-HĐĐG ngày 19/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện P, tỉnh Gia Lai xác định: diện tích 8.500m^2 lúa nếp đã gieo sạ được 20 ngày trị giá 9.299.000 đồng.

** Về vật chứng của vụ án*:

Cơ quan điều tra tạm giữ 01 bình bơm thuốc bảo vệ thực vật bằng điện màu vàng. Ngoài ra, 01 máy xới đất do Trần Văn T1 sử dụng để vằm bỏ lúa của bị

hại, xác định đây là tài sản của ông Nguyễn Văn T5 cho T1 mượn nên Cơ quan điều tra không thu giữ. Đối với 01 bình bơm thuốc nêu trên, Viện KSND huyện P đã có Quyết định chuyển vật chứng số 01/QĐ-VKS ngày 23/12/2024 đề nghị Cơ quan CSĐT Công an huyện P chuyển sang kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Thiện.

* *Về dân sự*: Anh Phạm Ngọc T2 yêu cầu phải bồi thường thiệt hại với số tiền 50.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 01/CT-VKS ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai truy tố các bị cáo Trần Văn D, Trần Văn T1 về tội "Hủy hoại tài sản" theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội "Hủy hoại tài sản"; Đề nghị Hội đồng xét xử

- Áp dụng khoản 1 Điều 178, điểm b, i, o, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Trần Văn D với mức án từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 07/3/2025).
- Áp dụng khoản 1 Điều 178, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Trần Văn T1 với mức án từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 07/3/2025).

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã bồi thường theo yêu cầu của người bị hại số tiền 50.000.000 đồng; nay không có yêu cầu gì thêm nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật Hình sự, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 bình bơm thuốc

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Thống nhất với tội danh, điều, khoản và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt; về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, lời khai của các bị cáo phù hợp với những chứng cứ, tài liệu thu thập được có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vì không muốn Trần Văn T3 bán đất ruộng cho Phạm Ngọc T2, nên khi biết T2 đã gieo sạ trên phần đất này; thì Trần Văn D và Trần Văn T1 đã phun thuốc diệt cỏ và lấy máy xới để phá hủy sạ non do anh T2 gieo được 20 ngày, trên diện tích 8.500m^2, gây thiệt hại 9.299.000 đồng.

Hành vi nêu trên của các bị cáo đã phạm vào tội "Hủy hoại tài sản" theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai đã truy tố là đúng người, đúng tội.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, D là người khởi xướng và là người thực hành; Đối với T1, là đồng phạm với vai trò là người giúp sức. Do đó, cần xử phạt bị cáo D với mức án nghiêm khắc hơn so với bị cáo T1 là hợp lý.

Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật; xâm phạm đến trật tự trị an xã hội ở địa phương. Do đó, cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội mới đạt được mục đích giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[2] Đánh giá về nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây nên; tại phiên tòa người bị hại đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo D khi phạm tội là người đủ 70 tuổi trở lên, nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm o khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có nhân thân tốt, có nơi thường trú cụ thể rõ ràng; bản thân các bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội; nên áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt tù cho hưởng án treo đối với các bị cáo, thể hiện sự nhân đạo trong chính sách hình sự của nhà nước ta.

[3] Về những chứng cứ buộc tội, tội danh, điều, khoản áp dụng, mức hình phạt đối với các bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với kết quả Nghị án của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về ý kiến của các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Nhất trí với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát về tội danh, điều, khoản áp dụng, mức hình phạt đối với các bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như về trách nhiệm dân, xử lý vật chứng sự nên Hội đồng xét xử xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

[5] Về hành vi, quyết định tố tụng của điều tra viên, kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan mặc dù có khiếu nại, tuy nhiên sau khi

nghe giải thích và hiểu rõ quy định pháp luật đã tự nguyện rút các khiếu nại không đúng; và tại phiên tòa các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Văn D, Trần Văn T1 phạm tội "Hủy hoại tài sản"

- Áp dụng khoản 1 Điều 178, điểm b, i, o, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Trần Văn D 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 07/3/2025).

- Áp dụng khoản 1 Điều 178, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Trần Văn T1 9 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 07/3/2025).

Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã I, huyện P, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án Hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

Tịch thu tiêu hủy đối với 01 bình phun thuốc bằng điện.

Đặc điểm nhận dạng vật chứng như Biên bản giao, nhận vật chứng, tài sản lập ngày 30/12/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Buộc các bị cáo Trần Văn D, Trần Văn T1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị

cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- VKSND huyện Phú Thiện;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT công an tỉnh Gia Lai;
- Chi Cục THS DS huyện Phú Thiện;
- Lưu HS.